

SIMULATING THE SOCIAL LIFE OF ETHNIC MINORITIES IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGION IN CHILDREN'S SONGS ETHNIC MINORITIES

Leng Thi Lan

TNU - University of Agriculture and Forestry

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	21/3/2021	Children's songs are genre of children's oral folklore appeared very early and they were developed and associated with each period of human social history. The topic of nursery rhyme usually does not focus on a certain topic, it provides not only natural knowledge but also social knowledge. One of the topics children love is the social life simulation content. Therefore, the nursery rhyme becomes an effective means of education for young children. With that in mind, for the purpose of studying rhyme from the cultural perspective, we mainly use research methods such as statistics, analysis, comparison, interdisciplinary research methods. The results show that the picture of the social life of ethnic minorities is reflected in the nursery rhyme contains people's thoughts and at the same time is meaningful in educating thoughts, feelings and satisfying the needs of fun for children, thereby contributing to create the own value of the genre.
Revised:	13/4/2021	
Published:	28/4/2021	
KEYWORDS		
Children's songs		
Social imitation		
Social life		
Ethnic minority		
The northern mountainous		

NỘI DUNG MÔ PHỎNG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI CỦA ĐỒNG DAO DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Lèng Thị Lan

Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	21/3/2021	Đồng dao là một thể loại văn học dân gian truyền miệng của trẻ em đã xuất hiện từ rất sớm và phát triển gắn liền với từng giai đoạn lịch sử xã hội loài người. Đề tài đồng dao thường không tập trung ở một chủ đề nhất định, không những cung cấp kiến thức tự nhiên mà còn cung cấp kiến thức xã hội. Một trong những chủ đề trẻ nhỏ yêu thích là nội dung mô phỏng đời sống xã hội của đồng dao. Vì thế, đồng dao trở thành phương tiện giáo dục có hiệu quả đối với trẻ nhỏ. Với ý nghĩa đó, đặt mục đích nghiên cứu đồng dao từ góc nhìn văn hóa, chúng tôi sử dụng chủ yếu các phương pháp nghiên cứu như: thống kê, phân tích, đối chiếu so sánh, phương pháp nghiên cứu liên ngành. Kết quả cho thấy, bức tranh về đời sống xã hội của đồng bào dân tộc được phản ánh trong đồng dao chứa đựng tư tưởng của nhân dân, đồng thời có ý nghĩa trong việc giáo dục tư tưởng, tình cảm và đáp ứng nhu cầu vui chơi cho trẻ, qua đó góp phần tạo nên giá trị riêng của thể loại.
Ngày hoàn thiện:	13/4/2021	
Ngày đăng:	28/4/2021	
TỪ KHÓA		
Đồng dao		
Mô phỏng xã hội		
Đời sống xã hội		
Dân tộc thiểu số		
Miền núi phía Bắc		

1. Giới thiệu

Đồng dao là những bài hát truyền miệng của trẻ em lứa tuổi nhi đồng và thiếu niên [1, tr. 5]. Trẻ em có thể hát, có thể chơi trò chơi đồng dao thông qua nhiều hoạt động diễn xướng. Trong môi trường diễn xướng của đồng dao, sự xuất hiện của thể giới nhân vật được kể đến phần nhiều là thể giới các hiện tượng thiên nhiên, thể giới con vật và thể giới các vật dụng, sản phẩm do con người tạo ra. Trong những nghiên cứu của tác giả Hoàng Tiến Tựu, Trần Đức Ngôn thì đồng dao được xác định là tập hợp các tác phẩm dân gian từ một vài thể loại khác nhau bao gồm những bài vè, bài ca gọi các con vật được trẻ em truyền miệng [2, tr. 143], [3, tr. 41]. Điều này cho thấy, nội dung của đồng dao vô cùng phong phú, trong đó có những bài hát đồng dao đã phản ánh mối quan hệ chặt chẽ giữa con người với môi trường thiên nhiên, đặc biệt là sự gắn bó với nền nông nghiệp điển hình. Tác giả Tô Ngọc Thanh đã viết “hát đồng dao, một thể loại của văn học dân gian... có giá trị về nhiều mặt” [4, tr. 11]. Bài viết được tác giả phân tích chủ yếu về ý nghĩa nội dung của đồng dao trong sinh hoạt của trẻ em Thái vùng Tây Bắc. Ở góc độ nghiên cứu khác, tác giả Mông Kí Slay đã tìm hiểu những giá trị đồng dao thông qua cấu trúc ngôn ngữ của thể loại. Tác giả viết “trong vốn thơ ca dân gian Nùng, đồng dao quan trọng không chỉ ở chỗ nó là những bài ca dành cho trẻ thơ... mà đồng dao còn giữ lại nhiều chứng cứ quan trọng về hệ thống ngôn ngữ Nùng, về thi pháp thơ ca dân gian, về cả lịch sử - văn hóa tộc người” [5, tr. 39-41]. Những bài viết gần đây cho thấy, đồng dao đã được các tác giả quan tâm, bàn luận và tiếp cận nhìn từ các góc độ khác nhau. Khi bàn về vai trò của đồng dao, tác giả bài viết Vai trò của đồng dao đối với việc phát triển nhận thức cho trẻ ở lứa tuổi mầm non có viết: “ở một khía cạnh khá quan trọng và tiêu biểu... đồng dao được coi là những bài học thường thức tập cho trẻ có một số tri thức bước vào đời” [6, tr. 19-21]. Bên cạnh đó, tác giả cũng quan tâm tới việc phân tích giá trị của đồng dao trong giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo ở một số nội dung như: Chuẩn mực về ngữ âm, mạch lạc và hình thành phát triển vốn từ [7, tr. 104-107]. Cách tiếp cận về mặt giáo dục thẩm mỹ của đồng dao đã được đề xuất một số biện pháp đưa đồng dao vào chương trình giáo dục mầm non. Đó là cách góp phần giữ gìn, phát huy một cách toàn diện, chắc chắn và đảm bảo tính bền vững nét văn hóa Việt Nam [8, tr. 57-59]. Vì vậy, trong đồng dao dân tộc thiểu số nói riêng và đồng dao Việt Nam nói chung những dấu ấn văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần đã tạo nên giá trị sâu sắc, đồng thời nó thực hiện chức năng giáo dục một cách tự nhiên, hiệu quả. Đây chính là sức lôi cuốn, hấp dẫn của đồng dao đối với trẻ “học mà chơi, chơi mà học” được chúng tôi nghiên cứu ở bài viết này.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để nhận diện đặc điểm nội dung của đồng dao, trong bài viết các phương pháp được chúng tôi sử dụng là: thống kê, đối chiếu so sánh, phân tích. Bên cạnh đó, để làm rõ hơn về đối tượng được phân tích bài viết cũng đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành như: dân tộc học, văn hóa học, xã hội học... ở từng trường hợp cụ thể. Qua đó khẳng định những giá trị độc đáo của đồng dao.

Các tư liệu để phục vụ cho bài viết chủ yếu từ các sưu tầm, biên dịch về đồng dao dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mường của các tác giả Hoàng Thị Cành, Nông Hồng Thắng, Tô Ngọc Thanh, Bùi Thiện, nhà xuất bản Văn hóa dân tộc và một số tài liệu khác về đồng dao trẻ em người Việt của nhà xuất bản Giáo dục do tác giả Nguyễn Thúy Loan chủ biên. Một phần tư liệu khác được trích dẫn từ cuốn Đồng dao và trò chơi trẻ em các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mường và Tà Ôi của nhóm tác giả bài viết biên soạn và xuất bản năm 2017.

3. Kết quả bàn luận

Đồng dao được sử dụng phần lớn là do trẻ em và phần nhiều mang tính sáng tạo tập thể, được lưu truyền phổ biến. Tuy nhiên, xét ở phương diện nào đó trong đặc điểm nội dung của thể loại có thể cho thấy chủ thể sáng tạo đồng dao là người lớn. Bởi lý do, đồng dao có nội dung về đời

sống xã hội, phản ánh tín ngưỡng, nghi lễ đã thể hiện trình độ văn hóa của nhân dân lao động. Sự mô phỏng về đời sống xã hội được phản ánh trong đồng dao chủ yếu được trẻ em bắt trước thông qua sự quan sát, tiếp thu từ truyền bá của người lớn. Tính truyền miệng của đồng dao cũng giống như thể loại khác của văn học dân gian (trong đó có tục ngữ, ca dao, dân ca...) đã trở thành phương thức truyền bá rất riêng. Những bài đồng dao do người lớn sáng tạo, lan truyền có nguồn gốc xuất xứ khác nhau phù hợp với mỗi thời kỳ phát triển của thời đại. Mặc dù người lớn là chủ thể sáng tác nhưng khi được các em sử dụng, truyền tải và trình diễn thì những khúc hát đồng dao vẫn luôn vui tươi, dí dỏm, hồn nhiên.

Thiên nhiên với tư cách gợi hứng, sáng tạo cho sự ra đời của những khúc hát đồng dao vô cùng sinh động, phong phú. Đồng dao ngoài việc phản ánh thế giới thiên nhiên sống động thường là minh họa cho các truyện cổ thần kỳ về sự tích loài vật, mượn các con vật trong thiên nhiên để tái hiện cuộc sống hiện thực của bản mường. Đó là bức tranh về đời sống của con người được tô vẽ thêm bởi những âm thanh vui nhộn trong thế giới các con vật xuất hiện ở đồng dao. Bài đồng dao Roọng ngoảng (gọi ve rừng) của trẻ em Tày như sau:

*Ngoảng ới, ngoảng à
Ve ới, ve à
Ngoảng dú chang đông ngoảng á
Ve hát vang cả rừng xa
Vỏ ngoảng thai buồn sam ván chả
Bố ve chết tháng ba mùa gieo mạ
Mẻ ngoảng thai buồn hã mùa nà
Mẹ ve chết tháng năm mùa đông
Bươn xóc noọng lỏng nằm piến đa
Tháng sáu ve xuống nước làm cà cuống
Bươn chắt noọng khỉn phja piến ngoảng
Tháng bảy biến thành ve hát rừng xa
Ngoảng á á bố tháng tảng mà
Ve mãi hát không tìm đường trở lại [9, tr.32].*

Tương truyền rằng, con ve rừng này có khởi nguồn từ câu chuyện của một em bé nghèo vốn mồ côi cha mẹ. Em ở nhà giữ em nhỏ cho mẹ vào rừng đào củ mài. Trời gần tối mà mẹ chưa về. Em có hay đâu mẹ em đói quá, khi cúi xuống hố mài đã lộn đầu xuống hố mà không trở về nhà được. Em bé gọi mẹ đến chết và biến thành con ve nhỏ đó và người Tày gọi tên là Gọi ve rừng, người Thái gọi tên là Ve gọi chiều. Bài đồng dao này thường được trẻ em Tày hát khi đi em nhỏ đi đón mẹ ở đầu bản cùng nhau ca Gọi ve rừng, trẻ em Thái thường hát bài đồng dao này vào buổi hoàng hôn lẫn với tiếng mõ trâu về chuồng và hoà vào những cung bậc âm thanh của tiếng ve buổi chiều nghe thật thương cảm [9, tr.31].

Trong khi đó, trẻ em người Thái có bài đồng dao Khí chọn chá (Đánh đu) lại phản ánh sự giàu - nghèo trong xã hội có phân hoá. Đó là bọn thông trị và bộ máy tay sai đặc quyền, đặc lợi áp bức nhân dân lao động. Trong xã hội đó có những lang đạo, ông mường, ông cun hay còn gọi là chúa đất nắm thần quyền ra sức bóc lột nhân dân. Tính hiện thực phê phán thông qua những câu hát đồng dao tuy chưa nhiều nhưng khá độc đáo. Khúc hát đồng dao chính là tiếng nói tố cáo, lên án sự thối nát của xã hội thời kỳ phong kiến đồng thời là những ước mơ thuần khiết của người dân lao động.

*Khí chọn chá
Kha boong bớh
Chóh mạy pao
Út dợt khỉn hươn “ÔÔng”
Hươn “ÔÔng” mí áng ngán, áng cảm má khẩu
Hươn chẩu báu” mắng xi”
Nháng mí tăng lết bị*

Dịch:

Những mi khi cày pòh lệt đặng [10, tr.47].

*Đu đánh đu,
Thang đu cành chó đẻ
Ông đu đóng nửa tép
Đu bật lên giữa nhà “ông”
Nhà “ông” có chậu vàng, chậu bạc ngâm gạo
Nhà ta chẳng có gì
Có tí nhựa dính cánh chuồn chuồn
Có phân gà sấp bôi đính râu*

Tính hiện thực được mô phỏng còn là sự phê phán, chê trách những thói hư, tật xấu ở đời. Đồng dao của trẻ em dân tộc Mường lên tiếng đả kích, giễu cợt những kẻ chỉ biết ăn bám, ham chơi lười lao động lại nhiều lời. Thông qua đồng dao, tiếng nói tâm tình, sự mong muốn đổi thay bản mường của nhân dân lao động góp phần xây dựng cuộc vận động chống giặc đói, giặc dốt quả là có ý nghĩa. Chẳng hạn, bài đồng dao Mọl xấu (Người xấu):

*Mal khal nơ như mài chết/
Bết chồốc nơ clải chuối oong
Khẻ roó nơ choỏ đe khua
Cai oó thua một thiếng
Biếng rảin óo ma noò tà
Mặt clól nơ đàn bầu
Đi khâu là đoò chặyl cuộ [11, tr.151]*

Dịch:

*Nhọt nhạt như rắn cạp nong chết
Vết nhọt như trái dưa ong
Ba hoa như chó cắn sưng
Cái không thua một tiếng
Lười biếng không ai tày
Mặt chói như đàn bầu
Đi sau còn đòi chạy cuộc*

Hai bài đồng dao trên, tác giả dân gian đã phác họa nên bức tranh về đời sống nghèo khổ của đồng bào dân tộc. Và, một lần nữa bức tranh ấy lại được khắc họa rõ nét, chân thực hơn về thân phận của họ qua bài Bươn lao (Gọi trăng sao) của trẻ em người Thái như Xao tằm khâu (Em bé gái già gạo)/ Thẩu xắc tẩu lốc nuốt cửa mu (Già chống gậy nhổ râu nuôi lợn).

Trong đồng dao của trẻ em các dân tộc, hình ảnh con vật là nhái bén, ếch ương được ám chỉ những kẻ hám lợi, có quyền thế thuộc tầng lớp thống trị trong xã hội phong kiến. Ví dụ bài đồng dao Tốp moóc méc (Vỗ nhái bén) của trẻ em Thái:

*“Tốp moóc méc/ Vỗ nhái bén/Tốp khuyệt doong
Đập ếch ương/Moóc méc kìn lấu xá pum poóng
Nhái bén uống rượu cần phễnh rốn/Khuyệt doong kìn canh bon toọng téh/ Ếch ương húp canh lá môn phỏng bụng...”[10, tr.17].*

Bài đồng dao trên xuất hiện hình ảnh quen thuộc “rượu cần” - là một trong những nét riêng của nền văn minh nương rẫy. Rượu cần của các tộc người từ lâu đã trở thành sản vật trong cuộc sống sinh hoạt cộng đồng và được sử dụng mọi lúc, mọi nơi. Là sản vật cần có trong các lễ hội, nghi lễ quan trọng của cộng đồng, cưới, ma chay... nên rượu cần giữ vai trò lễ vật quan trọng. Tục uống rượu cần cũng là nét văn hóa ẩm thực truyền thống trong đời sống của đồng bào các tộc người Thái, Mường, Ê đê...

Sự mô phỏng đời sống của đồng bào dân tộc trong đồng dao còn là những ước vọng, khao khát về cuộc sống tươi đẹp, ấm no gắn với lao động sản xuất nông nghiệp. Đó là những bài đồng dao có chứa đựng nội dung: Gọi mưa, Gọi gió, Gọi trời. Lễ hội Cầu mưa bắt nguồn từ nền văn

minh lúa nước của dân tộc Việt. Do cuộc sống của người dân lao động gắn bó với thiên nhiên, Cầu mưa là để trời cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt bội thu. Cũng tùy theo từng hoàn cảnh mà tên gọi các lễ hội này khác nhau: Trời hạn thì gọi là lễ cầu mưa, còn có mưa mà hành lễ thì gọi là lễ mừng mưa. Với đồng bào Thái miền núi phía Bắc, lễ hội cầu mưa được bà con gọi là lễ Xên Xo-phôn. Cho tới nay, lễ hội này vẫn được bà con người Thái gìn giữ. Lễ hội mang theo niềm tin tín ngưỡng, đồng thời cũng là một tập tục, một hoạt động văn hóa mang tính gắn kết cộng đồng và là dịp để phổ biến, truyền dạy trong cộng đồng bài học về cách sống. Những bài đồng dao có nội dung mô tả về kinh nghiệm lao động, sản xuất nông nghiệp của người Thái ở hai lĩnh vực canh tác, thủy lợi cũng được xuất hiện ở một số bài sau: Bó phạ đét (Gọi trời nắng) [12, tr.500], Bó phạ lỏm (Gọi trời gió) [12, tr.501], Bó phạ phôn (Gọi trời mưa) [12, tr.502]. Đồng dao trẻ em người Tày qua bài đồng dao Roọng Nàng Hai (Gọi trăng) [12, tr.456] có viết: Lễ hội Nàng hai (hát gọi trăng) thường được tổ chức vào đầu mùa xuân, sau Tết Nguyên đán, của người Tày ở Cao Bằng. Đây là lễ hội cầu mùa, cầu sức khỏe, mong muốn điều tốt lành cho dân bản. Là lễ hội cổ truyền thể hiện tín ngưỡng dân tộc, phản ánh nguyện vọng của đồng bào người Tày nói riêng và các dân tộc khác nói chung. Thông qua những bài đồng dao có nội dung mô phỏng đời sống xã hội, trẻ em có cơ hội được hiểu hơn về mối quan hệ biện chứng giữa con người và môi trường tự nhiên. Qua đó, đồng dao gián tiếp thực hiện chức năng giáo dục đối với trẻ em trong công tác bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường, cùng với đó là việc tạo sản phẩm đa dạng, độc đáo trong khai thác các giá trị văn hóa bản địa phát triển du lịch cộng đồng.

Từ sự quan sát, cảm nhận của trẻ, hoạt động trong cuộc sống thường nhật cũng được trẻ nhỏ bắt chước, đưa vào đồng dao một cách rất tự nhiên, đó là công việc bếp núc của người lớn qua bài Mỏ lêng (Chơi đồ hàng) của trẻ em Nùng:

*Mo lêng teng khéc/ Xào nấu đợi khách.
/Khúc khúc, khoéc khoéc/ Lạch cà lạch cạch.
Slào mỏ slào héc/ Rửa nồi rửa chảo.
Khả mu éc éc/ Mỏ lợn eng éc [13, tr.54].*

Với đặc điểm tâm lý giống nhau của trẻ trong việc nhận thức, khám phá thế giới xung quanh, trẻ em Tà Ôi cũng có những khúc hát đồng dao mô tả về cuộc sống thường nhật giản đơn như bài Bar put day (Canh rẫy) [12, tr.437]. Cũng như các tộc người khác ở nước ta, người Tà Ôi chủ yếu làm rẫy, trồng lúa rẫy đa canh, du canh, làm theo lối cổ truyền: phát, đốt, tria hạt nên những hình ảnh quen thuộc chông tre (Te ăng kê tâm bóc abung/ Ở đầu rẫy có cái chông tre), chông nửa, (Te tung kô tâm bóc ala/ Ở chân rẫy có cái chông nửa), cái gùi (Xang krour y krour kô pâr kui ôo veo/ Cái gùi thừa thừa để đựng gan ruột)... cũng được xuất hiện trong đồng dao của trẻ em dân tộc Tà Ôi.

Với trò chơi này thường có cả các em bé trai và bé gái cùng tham gia. Ngoài việc chơi để vui, trò chơi giúp các em có cái nhìn, cảm nhận về đời sống của cộng đồng dù cuộc sống lao động nhiều gian khó nhưng đời sống tinh thần vẫn luôn được hiện hữu mọi lúc, mọi nơi. Thông qua trò chơi của đồng dao, việc học ngôn ngữ của trẻ được cung cấp thêm những vốn từ khá phong phú.

Bài đồng dao Mùa khảm thăm (Mùa tháng tám) của trẻ em người Mường nhằm tái hiện cuộc sống hiện thực sống động, phản ánh những phong tục, lễ hội truyền thống của người Mường. Từ tuổi ấu thơ trẻ đã được tiếp cận với những lễ hội mang tính truyền thống văn hoá của dân tộc và tinh hoa của văn hoá lại được gắn kết qua lời đồng dao giúp mở mang tầm hiểu biết, phát triển tư duy cho trẻ và đó là những bài học ẩn tượng khó quên.

*Khảm thăm chơi trâu/Tháng tám chơi trâu
Ay buôn đầu bản đầu hè về/Ai buôn đầu bản
đầu thì về
Oó về/Không về
Buôn đủ clăm nghề//Buôn đủ trăm nghề
Cộng về thay không/Cũng về tay không [11, tr.188].*

Lễ hội chơi trâu là nét đẹp văn hóa truyền thống được lưu giữ trong tiềm thức văn hóa cộng đồng người Việt. Hằng năm, cứ vào ngày 9 tháng 8 (tạì Đồ Sơn - Hải Phòng), lễ hội chơi trâu

được tổ chức. Lễ hội chơi trâu Đồ Sơn mang sắc thái văn hóa riêng, đó là sự kết hợp, giao thoa giữa yếu tố văn hoá nông nghiệp với văn hoá cư dân ven biển.

Những bài đồng dao Hự trâu, Chọi gà, ít nhiều cũng cho chúng ta hiểu được phần nào đời sống tinh thần của đồng bào dân tộc. Chọi gà là một trò chơi dân gian phổ biến của dân tộc Việt được xuất hiện từ rất lâu và đã trở thành thú chơi tao nhã của người Việt. Trò chơi dân gian chọi gà được lưu giữ và khôi phục tại nhiều lễ hội truyền thống góp phần tạo không khí vui tươi, gắn kết cộng đồng. Trò chơi thường được tổ chức khi các lễ hội diễn ra trong dịp đón xuân mới.

Một số bài hát đồng dao có nội dung mô phỏng đời sống xã hội được các em đóng vai, diễn xướng và kể lại nội dung sự việc một cách khách quan. Trong đồng dao, hình thức kể có nhiều cách kể khác nhau tùy vào nội dung cuộc chơi và lời của bài hát. Hình thức kể được thực hiện theo ngôi thứ, ví dụ bài đồng dao Ông rác chè thươi (Uống nước chè tươi) của trẻ em người Mường như sau: Hôm qua ta vừa đi chợ/Hôm kia ta vừa đi hàng/Mua được sọt chè khô/Mua được bồ chè tươi/Đem về đến cửa đến nhà/Bỏ vào cối cây chày/Lấy cái chày cây kiêng/Giã nghiêng đôm đốp/Hồi hồi nước chè mới nấu/Ông bố uống bát cả/Ông đá uống bát con/Ông cháu ông con/Uống bát loe bát chậu/Uống ít không no/Sắn lò lại nấu [11, tr.157].

Những bài hát đồng dao này sẽ giúp trẻ có cách tiếp cận đa chiều với từng khía cạnh đời sống trong môi quan hệ xã hội. Chính yếu tố này tạo ra nhiều liên tưởng, so sánh với các hình ảnh vô cùng sinh động, phong phú khiến cho nội dung tác phẩm đồng dao mang tính thống nhất và tồn tại như một loại thể văn học mà chúng ta vẫn gọi là thơ đồng dao.

4. Kết luận

Những phân tích ở trên cho thấy đặc điểm nội dung những bài hát đồng dao mô phỏng đời sống xã hội chứa đựng tư tưởng của nhân dân. Đồng thời có ý nghĩa trong việc giáo dục tư tưởng và tình cảm cho trẻ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá gia đình và văn hoá cộng đồng. Tác giả Vũ Ngọc Khánh đã viết “Đồng dao phản ánh hiện thực nhưng với cách thức riêng của nó, nhằm vào chức năng giáo dục (quan sát cuộc sống để thu thập kiến thức) không đòi hỏi các em có những hiểu biết sớm hơn lứa tuổi của mình” [14].

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. L. Nguyen, D. T. Dang, H. H. Nguyen, and T. Hoang, *Vietnamese nursery rhyme and children's games*. National Culture Publishing House, Ha Noi, 1997.
- [2] T. T. Hoang, *Vietnamese folk literature* (Chapter 2). Education publishing house, Ha Noi, 1990, p. 143.
- [3] D. N. Tran, *Children's literature*. Literature publishing house, Ha Noi, p. 41, 1995.
- [4] N. T. To, “The position of nursery rhyme in the Northwest people life,” *Journal of Literature*, no. 4, pp. 10-20, 1995.
- [5] K. S. Mong, “Child language through Nung's nursery rhyme,” *Journal of folklore*, no. 4, pp. 39-41, 1994.
- [6] T. A. Truong, “The position of nursery rhyme in the cognitive development of preschool children,” *Journal of Education*, no. 402, pp. 19-31, 2017.
- [7] T. A. Truong, “Nursery rhyme to contribute to language education for preschoolers,” *Journal of Education*, special issue, pp. 104-107, 2017.
- [8] N. Q. Nguyen, “Aesthetic education for preschool children through rhymes,” *Journal of Education*, special issue, pp. 57-59, 2015.
- [9] T. C. Hoang, *Nursery rhyme of Tay people*. National Culture Publishing House, Ha Noi, 1994.
- [10] N. T. To, *Nursery rhyme of Thai people In Northwest*. National Culture Publishing House, Ha Noi, 1994.
- [11] T. Bui, *Nursery rhyme of Muong ethnic minority group*. National Culture Publishing House, Ha Noi, 2004.
- [12] T. L. Leng, *Nursery rhymes and children's games of Tay, Nung, Thai, Muong and Ta Oi*. Publishing House of Art, Ha Noi, 2017.
- [13] H. T. Nong (Collect, translate, compilation), *Nursery rhyme of Nung people*. National Culture Publishing House, Ha Noi, 1995.
- [14] N. K. Vu, “Poetic nursery rhyme,” *Journal of Literature*, no. 4, pp. 20-23, 1974.